

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T2 H
THNH PHỐ H N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-11-2019

V/v: TrAh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T2 H, THNH PHỐ H N**

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Ah

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lịch

Bà Nguyễn Thị Phương Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận T2 H, THnh phố H N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T2 H tham gia phiên tòa:

Bà Đàm Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T2 H, THnh phố H N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22/5/2019 về việc TrAh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: Số 31, tập thể NH máy Đ Y P, phường Y P, quận T2 H, THnh phố H N; Nơi ở: Số 2, ngách 32/27, A D, phường Y P, quận T2 H, THnh phố H N, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ah Nguyễn Chung T1, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Số 31, tập thể NH máy Đ Y P, phường Y P, quận T2 H, THnh phố H N; Hiện đAg chấp hành hình phạt tù tại Phân trại 1, Trại giam H T-Cục C-Bộ công A (địa chỉ: Thị xã C L, tỉnh H1 D), vắng mặt tại phiên tòa.

N DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguY đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và Ah Nguyễn Chung T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 30/12/2010 tại Ủy bA nhân dân phường Y P, quận T2 H, H N.

Sau khi kết hôn Ah chị về chung sống cùng nhau tại nH của bố mẹ Ah T1 ở số 31 tập thể nH máy Đ, A D, phường Y P, quận T2 H, H N. Vợ cHng sống cùng nhau một thời giA ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguY nhân do chị phát hiện Ah T1 nghiện ma túy. Khi chị sinh con được 05 tháng thì Ah T1 đi cai nghiện ma túy, đồng thời chị phát hiện con chị bị mắc bệnh hiểm nghèo. Ah T1 đi cai nghiện được 04 năm về thì lại tái nghiện và lại đi cai nghiện. Ah T1 đi cai nghiện nhiều lần vì vậy trong suốt thời giA là vợ cHng Ah Thuỷ không giúp đỡ chị được gì trong việc nuôi dạy và chữa bệnh cho con. Đến tháng 12/2017 chị đưa con ra ngoài thuê nH để ở, vợ cHng ly thân từ đó đến nay, không qua tâm đến nhau, Ah T1 cũng không qua lại hỏi thăm nom con. Tháng 11/2018 Ah T1 lái xe gây tai nạn và đã bị kết án tù 03 năm, hiện Ah

T1 đã chấp hành án tại Trại giam K1 H T, C Linh, Sao Đỏ, H1 D. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn Ah T1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và Ah T1 có một con chung là Nguyễn Sơn T3, sinh ngày 10/12/2011. Hiện cháu T3 đã ở cùng chị, do cháu mắc bệnh hiểm nghèo, pH1 truyền hóa chất nên ly hôn chị xin được nuôi con để tiếp tục chăm sóc cháu, không yêu cầu Ah T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ ở, công nợ chung: Vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 23/7/2019 bị đơn Ah Nguyễn Chung T1 trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị T trình bày. Ah xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân nhiều năm nên không thể đoàn tụ được, chị T xin ly hôn Ah đồng ý. Ah và chị T có một con chung là Nguyễn Sơn T3, sinh ngày 10/12/2011. Hiện cháu T3 đã ở cùng chị T, do Ah đã chấp hành án tù nên sau khi ly hôn chị T xin được nuôi con Ah đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Về tài sản, nợ ở, công nợ chung: Vợ chồng không có, Ah không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T2 H phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người T Hnh tố tụng, việc chấp hành pháp luật của các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý, giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Về Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271,273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016 về án lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: Ah, chị có 01 con chung là Nguyễn Sơn T3, sinh ngày 10/12/2011, giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ah T1. Về tài sản, nợ ở, công nợ chung: Không có nên không xét. Về án phí: Chị T pH1 chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ah T1, chị T cùng có hộ khẩu thường trú tại: Số 31, tập thể NH máy Đ Y P, phường Y P, quận T2 H, H N, tháng 11/2018 Ah T1 bị kết án tù, hiện đã chấp hành án tại Trại giam H T (thị xã C Linh, tỉnh H1 D), chị T hiện đã ở tại số 2, ngách 32/27A D, phường Y P, quận T2 H, H N. Ngày 02/5/2019 chị T có đơn xin ly hôn Ah T1 tại Tòa án nhân dân quận T2 H, căn cứ khoản 1 Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân quận T2 H có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Ah T1 đã chấp hành án, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự, phiên tòa lần thứ nhất Ah T1, chị T vắng mặt, HĐXX đã hoãn phiên tòa, phiên tòa hôm nay được mở đến lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX T Hnh xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về Nội dung: Chị T và Ah T1 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/12/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Y P, quận T2 H, H N, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị T, Ah T1 cùng xác định: Sau khi kết hôn Ah chị chung sống một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. NguY nhân do không có Tg nói chung, vợ cHng đã ly thân nhiều năm, không thể đoàn tụ được. Ah, chị cùng xác định tình cảm vợ cHng không còn, chị T xin ly hôn, Ah T1 đồng ý.

Qua xác minh tại nơi cư trú của Ah, chị và ý kiến của mẹ đẻ Ah T1 là bà Lê Thị Chung đều thể hiện: Quá trình chung sống Ah T1, chị T xảy ra nhiều bất đồng, do Ah T1 nghiện ma túy đã được đi cai nghiện nhưng sau đó lại tái nghiện nên vợ cHng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 12/2017 chị T đưa con ra ngoài thuê nhà trọ, vợ cHng ly thân từ đó. Tháng 11/2018 Ah T1 lái xe gây tai nạn và đã bị kết án tù 03 năm, hiện Ah T1 đang chấp hành án tại H1 D. Nay Ah, chị cùng xác định tình cảm vợ cHng không còn, cùng nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ cHng giữa Ah T1 và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với Ah T1.

[3]. Về con chung: Ah T1, chị T có 01 con chung là Nguyễn Sơn T3, sinh ngày 10/12/2011. Ly hôn Ah chị nhất trí giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu Ah T1 cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của Ah, chị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với Ah T1 cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác. Ah T1 được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản, nhà ở, công nợ chung: Chị T, Ah T1 cùng xác nhận vợ cHng không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T. Chị Trần Thị T được ly hôn Ah Nguyễn Chung T1.

Về con chung: Xác định chị Trần Thị T và Ah Nguyễn Chung T1 có 01 con chung là Nguyễn Sơn T3, sinh ngày 10/12/2011. Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Sơn T3 đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với Ah T1 cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Ah T1 được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Động sản, bất động sản và công nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0003524 ngày 22/5/2019 tại Chi cục Thi Hành án dân sự quận T2 H.

NguY đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận T2 H;
- CCTHADS quận T2 H;
- UBND phường Y P (số đăng ký 198, quyền số 01/2010);
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**